

Số : 943 /QĐ-UBND

Vạn Ninh, ngày 30 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2017
cho các đơn vị, địa phương để mua sắm trang thiết bị,
cơ sở vật chất phục vụ công tác**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc bổ sung có mục tiêu năm 2017 cho huyện Vạn Ninh;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2017 cho các đơn vị, địa phương để mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ công tác, với số tiền: **294.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi bốn triệu đồng)**, cụ thể:

1. UBND xã Vạn Thắng	: 60.000.000 đồng
- Mua 01 máy photocopy	: 60.000.000 đồng
2. UBND xã Vạn Lương	: 17.000.000 đồng
- Mua 02 máy vi tính	: 17.000.000 đồng
3. UBND xã Vạn Bình	: 60.000.000 đồng
- Mua 01 máy photocopy	: 60.000.000 đồng
4. UBND xã Xuân Sơn	: 17.000.000 đồng
- Mua 02 máy vi tính	: 17.000.000 đồng
5. UBND xã Vạn Phú	: 20.000.000 đồng
- Mua 02 máy vi tính	: 17.000.000 đồng
- Mua 01 tủ đựng tài liệu	: 3.000.000 đồng
6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện	: 60.000.000 đồng
- Mua 01 máy photocopy	: 60.000.000 đồng

7. Văn phòng HĐND và UBND huyện : 60.000.000 đồng
- Mua 01 máy photocopy : 60.000.000 đồng

* Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung năm 2017.
(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Căn cứ kinh phí được bổ sung tại Điều 1 của Quyết định này, các đơn vị dự toán có trách nhiệm phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; đồng thời thực hiện chi tiêu đúng mục đích, định mức và chế độ hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện Vạn Ninh, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký. *Wk*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT. *Wk*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



CHỦ TỊCH

Trần Kim Bảo

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Quyết định số : 943 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2017
của UBND huyện Vạn Ninh)

Đơn vị : **VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND HUYỆN**

Mã số sử dụng ngân sách: 1 0 3 9 7 9 4

Chương: 605

ĐVT: đồng.

STT	NỘI DUNG	Mã nhiệm vụ chi	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NS	Dự toán 2017	Nguồn kinh phí
	Dự toán chi ngân sách Nhà nước:				60.000.000	
<u>1</u>	<u>Chi Quản lý hành chính:</u>				<u>60.000.000</u>	
<u>a</u>	<u>Kinh phí thực hiện tự chủ:</u>					
<u>b</u>	<u>Kinh phí không thực hiện tự chủ:</u>	875	463	12	60.000.000	
	- Bổ sung kinh phí mua sắm máy photocopy.				60.000.000	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung năm 2017.
<u>2</u>	<u>Sự nghiệp Đào tạo</u>					
<u>b</u>	<u>Kinh phí không thực hiện tự chủ:</u>	504	864			

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Quyết định số : 943 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2017
của UBND huyện Vạn Ninh)

Đơn vị : ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM HUYỆN
Mã số sử dụng ngân sách: 1043437

DVT: đồng

STT	NỘI DUNG	Mã nhiệm vụ chi	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NS	Dự toán 2017	Nguồn kinh phí
	Dự toán chi ngân sách:				60.000.000	
1	Chi quản lý hành chính :				<u>60.000.000</u>	
a	<u>Kinh phí thực hiện tự chủ:</u>					
b	<u>Kinh phí không thực hiện tự chủ :</u>	875	462	12	<u>60.000.000</u>	
	-Bổ sung kinh phí mua sắm máy photocopy.				60.000.000	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung năm 2017

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

XÃ, THỊ TRẤN HUYỆN VẠN NINH NĂM 2017

Đơn vị: Ủy ban nhân dân xã Vạn Lương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 43 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2017 của UBND huyện Vạn Ninh)

Mã số SDNS : 1 0 6 7 1 5 4

ĐVT : Đồng

STT	NỘI DUNG	Thu NSNN trên địa bàn	Thu NS xã được hưởng
I	TỔNG THU NSNN (A + B + C)	17.000.000	17.000.000
A	CÁC KHOẢN THU TRONG CÂN ĐỐI		
1	Thu ngoài quốc doanh		
1.1	Thuế Giá trị gia tăng		
1.2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp		
1.3	Thuế Tiêu thụ đặc biệt		
1.4	Thuế Tài nguyên		
1.5	Thuế Môn Bài		
1.6	Thu khác		
2	Lệ phí trước bạ (nhà, đất)		
3	Thuế SDD Nông nghiệp		
4	Phí, lệ phí		
5	Các khoản thu về nhà, đất		
5.1	Thuế SD đất phi Nông nghiệp (thuế Nhà đất)		
5.2	Tiền sử dụng đất		
6	Thuế thu nhập cá nhân		
7	Thu ngân sách xã (thu tại xã)		
7.1	- Thu từ quỹ đất công ích và đất công		
7.2	- Thu sự nghiệp		
7.3	- Thu khác ngân sách		
B	CÁC KHOẢN THU NGOÀI CÂN ĐỐI		
1	Phí, lệ phí		
2	Các khoản đóng góp		
	- Đóng góp xây dựng CSHT		
	- Đóng góp khác		
C	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH HUYỆN	17.000.000	17.000.000
1	Bổ sung cân đối ngân sách :		
a	Bổ sung cân đối chi thường xuyên		
	+ <i>Bổ sung cân đối NS xã</i>		
	<i>tr đó: Bù chi vệ sinh môi trường</i>		
b	Bổ sung vốn đầu tư theo phân cấp		
	+ <i>Nguồn phân cấp của tỉnh</i>		
2	Bổ sung có mục tiêu :	17.000.000	17.000.000
a	* Nguồn vốn tỉnh	17.000.000	17.000.000
	+ Nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung	17.000.000	17.000.000
b	* Nguồn NS huyện		
	+ <i>Nguồn cấp quyền SDD</i>		
	+ <i>Nguồn vốn vay</i>		
	+ <i>Nguồn vốn khác</i>		
II	NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2017		
1	50% tăng thu (thực hiện 2015 / dự toán 2015) : chưa giao		
2	50% tăng thu		
3	Nguồn tiết kiệm chi TX 10%		
III	NGUỒN TIẾT KIỆM THÊM 10%		

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
XÃ, THỊ TRẤN HUYỆN VẠN NINH NĂM 2017**

Đơn vị : Ủy ban nhân dân xã Vạn Lương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 943/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2017 của UBND huyện Vạn Ninh)

Mã số SDNS : 1 0 6 7 1 5 4

ĐVT : Đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng chi	Trong đó : tiết kiệm chi TX 2016 (10%)
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (A + B)	17.000.000	
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP (I+II+III)	17.000.000	
I	Chi đầu tư phát triển		
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung		
1.1	- Nguồn phân cấp của tỉnh		
1.2	- Nguồn vốn khác NS tính		
1.3	- Nguồn vốn ngân sách huyện đầu năm chưa phân bổ		
2	Chi đầu tư từ nguồn tiền sử dụng đất		
2.1	- Nguồn cấp quyền SDD của huyện		
2.2	- Nguồn cấp quyền SDD của xã		
	<i>trong đó chi trả nợ vay vốn tín dụng ưu đãi KCHKM</i>		
3	Chi từ nguồn vốn vay		
3.1	- Từ nguồn vốn huyện vay tỉnh		
3.2	- Từ nguồn vốn xã vay huyện		
4	Chi từ nguồn vốn khác		
II	Chi thường xuyên	17.000.000	
1	Chi sự nghiệp Giáo dục đào tạo		
	Trung tâm học tập cộng đồng		
2	Chi Quản lý hành chính	17.000.000	
2.1	- Cán bộ Công chức, chuyên trách cấp xã (phân bổ theo biên chế)		
2.2	- Kinh phí hoạt động (Phân bổ theo đơn vị hành chính)		
2.3	- Cán bộ không chuyên trách		
2.4	- Bổ sung hoạt động QLHC (chế độ mới, lĩnh vực chi mới)		
3	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin		
4	Chi sự nghiệp Phát thanh truyền hình		
5	Chi sự nghiệp TDTT		
6	Chi Đảm bảo xã hội		
7	Chi An ninh, Quốc phòng		
	Trong đó : - Chi An ninh		
	- Chi Quốc phòng		
8	Chi sự nghiệp Kinh tế		
9	Chi hoạt động môi trường		
10	Chi Khác		
III	Dự phòng chi		
B	CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ CHI QUẢN LÝ QUA NSNN		
I	Chi từ nguồn thu phí , lệ phí		
	- Lệ phí chợ		
	- Phí vệ sinh (tại các chợ xã quản lý)		
II	Chi từ nguồn nhân dân đóng góp		
C	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

XÃ, THỊ TRẤN HUYỆN VẠN NINH NĂM 2017

Đơn vị: Ủy ban nhân dân xã Vạn Thắng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 943 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2017 của UBND huyện Vạn Ninh)

Mã số SDNS : 1 0 6 7 1 5 2

ĐVT : Đồng

STT	NỘI DUNG	Thu NSNN trên địa bàn	Thu NS xã được hưởng
I	TỔNG THU NSNN (A + B + C)	60.000.000	60.000.000
A	CÁC KHOẢN THU TRONG CÂN ĐỐI		
1	Thu ngoài quốc doanh		
1.1	Thuế Giá trị gia tăng		
1.2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp		
1.3	Thuế Tiêu thụ đặc biệt		
1.4	Thuế Tài nguyên		
1.5	Thuế Môn Bài		
1.6	Thu khác		
2	Lệ phí trước bạ (nhà, đất)		
3	Thuế SDD Nông nghiệp		
4	Phí, lệ phí		
5	Các khoản thu về nhà, đất		
5.1	Thuế SD đất phi Nông nghiệp (thuế Nhà đất)		
5.2	Tiền sử dụng đất		
6	Thuế thu nhập cá nhân		
7	Thu ngân sách xã (thu tại xã)		
7.1	- Thu từ quỹ đất công ích và đất công		
7.2	- Thu sự nghiệp		
7.3	- Thu khác ngân sách		
B	CÁC KHOẢN THU NGOÀI CÂN ĐỐI		
1	Phí, lệ phí		
2	Các khoản đóng góp		
	- Đóng góp xây dựng CSHT		
	- Đóng góp khác		
C	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH HUYỆN	60.000.000	60.000.000
1	Bổ sung cân đối ngân sách :		
a	Bổ sung cân đối chi thường xuyên + <i>Bổ sung cân đối NS xã</i> <i>tr đó: Bù chi vệ sinh môi trường</i>		
b	Bổ sung vốn đầu tư theo phân cấp + <i>Nguồn phân cấp của tỉnh</i>		
2	Bổ sung có mục tiêu :	60.000.000	60.000.000
a	* Nguồn vốn tỉnh + Nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung	60.000.000 60.000.000	60.000.000 60.000.000
b	* Nguồn NS huyện + <i>Nguồn cấp quyền SDD</i> + <i>Nguồn vốn vay</i> + <i>Nguồn vốn khác</i>		
II	NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2017		
1	50% tăng thu (thực hiện 2015 / dự toán 2015) : chưa giao		
2	50% tăng thu		
3	Nguồn tiết kiệm chi TX 10%		
III	NGUỒN TIẾT KIỆM THÊM 10%		



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC XÃ, THỊ TRẤN HUYỆN VẠN NINH NĂM 2017

Đơn vị: Ủy ban nhân dân xã Vạn Thắng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 943 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2017 của UBND huyện Vạn Ninh)

Mã số SDNS : 1 0 6 7 1 5 2

ĐVT : Đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng chi	Trong đó : tiết kiệm chi TX 2016 (10%)
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (A + B)	60.000.000	
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP (I+II+III)	60.000.000	
I	Chi đầu tư phát triển		
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung		
1.1	- Nguồn phân cấp của tỉnh		
1.2	- Nguồn vốn khác NS tỉnh		
1.3	- Nguồn vốn ngân sách huyện đầu năm chưa phân bổ		
2	Chi đầu tư từ nguồn tiền sử dụng đất		
2.1	- Nguồn cấp quyền SDD của huyện		
2.2	- Nguồn cấp quyền SDD của xã		
	<i>trong đó chi trả nợ vay vốn tín dụng ưu đãi KCHKM</i>		
3	Chi từ nguồn vốn vay		
3.1	- Từ nguồn vốn huyện vay tỉnh		
3.2	- Từ nguồn vốn xã vay huyện		
4	Chi từ nguồn vốn khác		
II	Chi thường xuyên	60.000.000	
1	Chi sự nghiệp Giáo dục đào tạo		
	Trung tâm học tập cộng đồng		
2	Chi Quản lý hành chính	60.000.000	
2.1	- Cán bộ Công chức, chuyên trách cấp xã (phân bổ theo biên chế)		
2.2	- Kinh phí hoạt động (Phân bổ theo đơn vị hành chính)		
2.3	- Cán bộ không chuyên trách		
2.4	- Bổ sung hoạt động QLHC (chế độ mới, lĩnh vực chi mới)		
3	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin		
4	Chi sự nghiệp Phát thanh truyền hình		
5	Chi sự nghiệp TDTT		
6	Chi Đảm bảo xã hội		
7	Chi An ninh, Quốc phòng		
	Trong đó : - Chi An ninh		
	- Chi Quốc phòng		
8	Chi sự nghiệp Kinh tế		
9	Chi hoạt động môi trường		
10	Chi Khác		
III	Dự phòng chi		
B	CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ CHI QUẢN LÝ QUA NSNN		
I	Chi từ nguồn thu phí , lệ phí		
	- Lệ phí chợ		
	- Phí vệ sinh (tại các chợ xã quản lý)		
II	Chi từ nguồn nhân dân đóng góp		
C	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

XÃ, THỊ TRẤN HUYỆN VẠN NINH NĂM 2017

Đơn vị : Ủy ban nhân dân xã Vạn Phú

(Ban hành kèm theo Quyết định số 43 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2017 của UBND huyện Vạn Ninh)

Mã số SDNS : 1 0 6 6 8 9 9

ĐVT : Đồng

STT	NỘI DUNG	Thu NSNN trên địa bàn	Thu NS xã được hưởng
I	TỔNG THU NSNN (A + B + C)	20.000.000	20.000.000
A	CÁC KHOẢN THU TRONG CÂN ĐỐI		
1	Thu ngoài quốc doanh		
1.1	Thuế Giá trị gia tăng		
1.2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp		
1.3	Thuế Tiêu thụ đặc biệt		
1.4	Thuế Tài nguyên		
1.5	Thuế Môn Bài		
1.6	Thu khác		
2	Lệ phí trước bạ (nhà, đất)		
3	Thuế SDD Nông nghiệp		
4	Phí, lệ phí		
5	Các khoản thu về nhà, đất		
5.1	Thuế SD đất phi Nông nghiệp (thuế Nhà đất)		
5.2	Tiền sử dụng đất		
6	Thuế thu nhập cá nhân		
7	Thu ngân sách xã (thu tại xã)		
7.1	- Thu từ quỹ đất công ích và đất công		
7.2	- Thu sự nghiệp		
7.3	- Thu khác ngân sách		
B	CÁC KHOẢN THU NGOÀI CÂN ĐỐI		
1	Phí, lệ phí		
2	Các khoản đóng góp		
	- Đóng góp xây dựng CSHT		
	- Đóng góp khác		
C	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH HUYỆN	20.000.000	20.000.000
1	Bổ sung cân đối ngân sách :		
a	Bổ sung cân đối chi thường xuyên		
	+ <i>Bổ sung cân đối NS xã</i>		
	<i>tr đó: Bù chi vệ sinh môi trường</i>		
b	Bổ sung vốn đầu tư theo phân cấp		
	+ <i>Nguồn phân cấp của tỉnh</i>		
2	Bổ sung có mục tiêu :	20.000.000	20.000.000
a	* Nguồn vốn tỉnh	20.000.000	20.000.000
	+ Nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung	20.000.000	20.000.000
b	* Nguồn NS huyện		
	+ <i>Nguồn cấp quyền SDD</i>		
	+ <i>Nguồn vốn vay</i>		
	+ <i>Nguồn vốn khác</i>		
II	NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2017		
1	50% tăng thu (thực hiện 2015 / dự toán 2015) : chưa giao		
2	50% tăng thu		
3	Nguồn tiết kiệm chi TX 10%		
III	NGUỒN TIẾT KIỂM THÊM 10%		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
XÃ, THỊ TRẤN HUYỆN VẠN NINH NĂM 2017

Đơn vị : Ủy ban nhân dân xã Vạn Phú

(Ban hành kèm theo Quyết định số 943/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2017 của UBND huyện Vạn Ninh)

Mã số SDNS : 1 0 6 6 8 9 9

ĐVT : Đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng chi	Trong đó : tiết kiệm chi TX 2016 (10%)
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (A + B)	20.000.000	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP (I+II+III)	20.000.000	
I	Chi đầu tư phát triển		
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung		
1.1	- Nguồn phân cấp của tỉnh		
1.2	- Nguồn vốn khác NS tỉnh		
1.3	- Nguồn vốn ngân sách huyện đầu năm chưa phân bổ		
2	Chi đầu tư từ nguồn tiền sử dụng đất		
2.1	- Nguồn cấp quyền SDD của huyện		
2.2	- Nguồn cấp quyền SDD của xã		
	<i>trong đó chi trả nợ vay vốn tín dụng ưu đãi KCHKM</i>		
3	Chi từ nguồn vốn vay		
3.1	- Từ nguồn vốn huyện vay tỉnh		
3.2	- Từ nguồn vốn xã vay huyện		
4	Chi từ nguồn vốn khác		
II	Chi thường xuyên	20.000.000	
1	Chi sự nghiệp Giáo dục đào tạo		
	Trung tâm học tập cộng đồng		
2	Chi Quản lý hành chính	20.000.000	
2.1	- Cán bộ Công chức, chuyên trách cấp xã (phân bổ theo biên chế)		
2.2	- Kinh phí hoạt động (Phân bổ theo đơn vị hành chính)		
2.3	- Cán bộ không chuyên trách		
2.4	- Bổ sung hoạt động QLHC (chế độ mới, lĩnh vực chi mới)		
3	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin		
4	Chi sự nghiệp Phát thanh truyền hình		
5	Chi sự nghiệp TDTT		
6	Chi Đảm bảo xã hội		
7	Chi An ninh, Quốc phòng		
	Trong đó : - Chi An ninh		
	- Chi Quốc phòng		
8	Chi sự nghiệp Kinh tế		
9	Chi hoạt động môi trường		
10	Chi Khác		
III	Dự phòng chi		
B	CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ CHI QUẢN LÝ QUA NSNN		
I	Chi từ nguồn thu phí , lệ phí		
	- Lệ phí chợ		
	- Phí vệ sinh (tại các chợ xã quản lý)		
II	Chi từ nguồn nhân dân đóng góp		
C	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
XÃ, THỊ TRẤN HUYỆN VẠN NINH NĂM 2017

Đơn vị: Ủy ban nhân dân xã Xuân Sơn

(Ban hành kèm theo Quyết định số 043/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2017 của UBND huyện Vạn Ninh)

Mã số SDNS : 1 0 1 2 8 2 4

ĐVT : Đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng chi	Trong đó : tiết kiệm chi TX 2016 (10%)
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (A + B)	17.000.000	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP (I+II+III)	17.000.000	
I	Chi đầu tư phát triển		
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung		
1.1	- Nguồn phân cấp của tỉnh		
1.2	- Nguồn vốn khác NS tỉnh		
1.3	- Nguồn vốn ngân sách huyện đầu năm chưa phân bổ		
2	Chi đầu tư từ nguồn tiền sử dụng đất		
2.1	- Nguồn cấp quyền SDD của huyện		
2.2	- Nguồn cấp quyền SDD của xã		
	<i>trong đó chi trả nợ vay vốn tín dụng ưu đãi KCHKM</i>		
3	Chi từ nguồn vốn vay		
3.1	- Từ nguồn vốn huyện vay tỉnh		
3.2	- Từ nguồn vốn xã vay huyện		
4	Chi từ nguồn vốn khác		
II	Chi thường xuyên	17.000.000	
1	Chi sự nghiệp Giáo dục đào tạo		
	Trung tâm học tập cộng đồng		
2	Chi Quản lý hành chính	17.000.000	
2.1	- Cán bộ Công chức, chuyên trách cấp xã (phân bổ theo biên chế)		
2.2	- Kinh phí hoạt động (Phân bổ theo đơn vị hành chính)		
2.3	- Cán bộ không chuyên trách		
2.4	- Bổ sung hoạt động QLHC (chế độ mới, lĩnh vực chi mới)		
3	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin		
4	Chi sự nghiệp Phát thanh truyền hình		
5	Chi sự nghiệp TDTT		
6	Chi Đảm bảo xã hội		
7	Chi An ninh, Quốc phòng		
	Trong đó : - Chi An ninh		
	- Chi Quốc phòng		
8	Chi sự nghiệp Kinh tế		
9	Chi hoạt động môi trường		
10	Chi Khác		
III	Dự phòng chi		
B	CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ CHI QUẢN LÝ QUA NSNN		
I	Chi từ nguồn thu phí , lệ phí		
	- Lệ phí chợ		
	- Phí vệ sinh (tại các chợ xã quản lý)		
II	Chi từ nguồn nhân dân đóng góp		
C	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

XÃ, THỊ TRẤN HUYỆN VẠN NINH NĂM 2017

Đơn vị: Ủy ban nhân dân xã Xuân Sơn

(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2017 của UBND huyện Vạn Ninh)

Mã số SDNS : 1 0 1 2 8 2 4

ĐVT : Đồng

STT	NỘI DUNG	Thu NSNN trên địa bàn	Thu NS xã được hưởng
I	TỔNG THU NSNN (A + B + C)	17.000.000	17.000.000
A	CÁC KHOẢN THU TRONG CÂN ĐỐI		
1	Thu ngoài quốc doanh		
1.1	Thuế Giá trị gia tăng		
1.2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp		
1.3	Thuế Tiêu thụ đặc biệt		
1.4	Thuế Tài nguyên		
1.5	Thuế Môn Bài		
1.6	Thu khác		
2	Lệ phí trước bạ (nhà, đất)		
3	Thuế SDD Nông nghiệp		
4	Phí, lệ phí		
5	Các khoản thu về nhà, đất		
5.1	Thuế SD đất phi Nông nghiệp (thuế Nhà đất)		
5.2	Tiền sử dụng đất		
6	Thuế thu nhập cá nhân		
7	Thu ngân sách xã (thu tại xã)		
7.1	- Thu từ quỹ đất công ích và đất công		
7.2	- Thu sự nghiệp		
7.3	- Thu khác ngân sách		
B	CÁC KHOẢN THU NGOÀI CÂN ĐỐI		
1	Phí, lệ phí		
2	Các khoản đóng góp		
	- Đóng góp xây dựng CSHT		
	- Đóng góp khác		
C	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH HUYỆN	17.000.000	17.000.000
1	Bổ sung cân đối ngân sách :		
a	Bổ sung cân đối chi thường xuyên + <i>Bổ sung cân đối NS xã</i> <i>tr đó: Bù chi vệ sinh môi trường</i>		
b	Bổ sung vốn đầu tư theo phân cấp + <i>Nguồn phân cấp của tỉnh</i>		
2	Bổ sung có mục tiêu :	17.000.000	17.000.000
a	* Nguồn vốn tỉnh + Nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung	17.000.000 17.000.000	17.000.000 17.000.000
b	* Nguồn NS huyện + <i>Nguồn cấp quyền SDD</i> + <i>Nguồn vốn vay</i> + <i>Nguồn vốn khác</i>		
II	NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2017		
1	50% tăng thu (thực hiện 2015 / dự toán 2015) : chưa giao		
2	50% tăng thu		
3	Nguồn tiết kiệm chi TX 10%		
III	NGUỒN TIẾT KIỆM THÊM 10%		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

XÃ, THỊ TRẤN HUYỆN VẠN NINH NĂM 2017

Đơn vị: Ủy ban nhân dân xã Vạn Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2017 của UBND huyện Vạn Ninh)

Mã số SDNS : 1 0 6 6 8 9 7

ĐVT : Đồng

STT	NỘI DUNG	Thu NSNN trên địa bàn	Thu NS xã được hưởng
I	TỔNG THU NSNN (A + B + C)	60.000.000	60.000.000
A	CÁC KHOẢN THU TRONG CÂN ĐỐI		
1	Thu ngoài quốc doanh		
1.1	Thuế Giá trị gia tăng		
1.2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp		
1.3	Thuế Tiêu thụ đặc biệt		
1.4	Thuế Tài nguyên		
1.5	Thuế Môn Bài		
1.6	Thu khác		
2	Lệ phí trước bạ (nhà, đất)		
3	Thuế SDD Nông nghiệp		
4	Phí, lệ phí		
5	Các khoản thu về nhà, đất		
5.1	Thuế SD đất phi Nông nghiệp (thuế Nhà đất)		
5.2	Tiền sử dụng đất		
6	Thuế thu nhập cá nhân		
7	Thu ngân sách xã (thu tại xã)		
7.1	- Thu từ quỹ đất công ích và đất công		
7.2	- Thu sự nghiệp		
7.3	- Thu khác ngân sách		
B	CÁC KHOẢN THU NGOÀI CÂN ĐỐI		
1	Phí, lệ phí		
2	Các khoản đóng góp		
	- Đóng góp xây dựng CSHT		
	- Đóng góp khác		
C	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH HUYỆN	60.000.000	60.000.000
1	Bổ sung cân đối ngân sách :		
a	Bổ sung cân đối chi thường xuyên		
	+ <i>Bổ sung cân đối NS xã</i>		
	<i>tr đó: Bù chi vệ sinh môi trường</i>		
b	Bổ sung vốn đầu tư theo phân cấp		
	+ <i>Nguồn phân cấp của tỉnh</i>		
2	Bổ sung có mục tiêu :	60.000.000	60.000.000
a	* Nguồn vốn tỉnh	60.000.000	60.000.000
	+ Nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung	60.000.000	60.000.000
b	* Nguồn NS huyện		
	+ <i>Nguồn cấp quyền SDD</i>		
	+ <i>Nguồn vốn vay</i>		
	+ <i>Nguồn vốn khác</i>		
II	NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2017		
1	50% tăng thu (thực hiện 2015 / dự toán 2015) : chưa giao		
2	50% tăng thu		
3	Nguồn tiết kiệm chi TX 10%		
III	NGUỒN TIẾT KIỆM THÊM 10%		

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
XÃ, THỊ TRẤN HUYỆN VẠN NINH NĂM 2017**

Đơn vị : Ủy ban nhân dân xã Vạn Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2017 của UBND huyện Vạn Ninh)

Mã số SDNS : 1 0 6 6 8 9 7

ĐVT : Đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng chi	Trong đó : tiết kiệm chi TX 2016 (10%)
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (A + B)	60.000.000	
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP (I+II+III)	60.000.000	
I	Chi đầu tư phát triển		
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung		
1.1	- Nguồn phân cấp của tỉnh		
1.2	- Nguồn vốn khác NS tỉnh		
1.3	- Nguồn vốn ngân sách huyện đầu năm chưa phân bổ		
2	Chi đầu tư từ nguồn tiền sử dụng đất		
2.1	- Nguồn cấp quyền SDD của huyện		
2.2	- Nguồn cấp quyền SDD của xã		
	<i>trong đó chi trả nợ vay vốn tín dụng ưu đãi KCHKM</i>		
3	Chi từ nguồn vốn vay		
3.1	- Từ nguồn vốn huyện vay tỉnh		
3.2	- Từ nguồn vốn xã vay huyện		
4	Chi từ nguồn vốn khác		
II	Chi thường xuyên	60.000.000	
1	Chi sự nghiệp Giáo dục đào tạo		
	Trung tâm học tập cộng đồng		
2	Chi Quản lý hành chính	60.000.000	
2.1	- Cán bộ Công chức, chuyên trách cấp xã (phân bổ theo biên chế)		
2.2	- Kinh phí hoạt động (Phân bổ theo đơn vị hành chính)		
2.3	- Cán bộ không chuyên trách		
2.4	- Bổ sung hoạt động QLHC (chế độ mới, lĩnh vực chi mới)		
3	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin		
4	Chi sự nghiệp Phát thanh truyền hình		
5	Chi sự nghiệp TDTT		
6	Chi Đảm bảo xã hội		
7	Chi An ninh, Quốc phòng		
	Trong đó : - Chi An ninh		
	- Chi Quốc phòng		
8	Chi sự nghiệp Kinh tế		
9	Chi hoạt động môi trường		
10	Chi Khác		
III	Dự phòng chi		
B	CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ CHI QUẢN LÝ QUA NSNN		
I	Chi từ nguồn thu phí , lệ phí		
	- Lệ phí chợ		
	- Phí vệ sinh (tại các chợ xã quản lý)		
II	Chi từ nguồn nhân dân đóng góp		
C	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		